

Số: **06/2022/QĐST-DS**

Tuyên Quang, ngày 10 tháng 10 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v Yêu cầu tuyên bố một người mất tích
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH TUYÊN QUANG**

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Bà Vương Thị Lan

Thư ký phiên họp: Bà Triệu Thị Thúy Tình – Thẩm tra viên Toà án nhân dân thành phố T

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên họp: Bà Phạm Hương Thảo – Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 10 năm 2022, tại Trụ Sở Toà án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 04/2022/TLST-DS ngày 05/5/2022, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1960; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 3, xã L, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Chị **Trịnh Thị Hồng P**, sinh năm 1982; Nơi cư trú cuối cùng: Thôn 03 (thôn Hợp Thành cũ), xã L, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

- Anh **Trịnh Văn D**, sinh năm 1978; Địa chỉ: Thôn 3, xã L, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

- Anh **Trịnh Hùng V**, sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn 3, xã L, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

- Chị **Trịnh Thị Hồng P**, sinh năm 1980; Địa chỉ: Tổ dân phố 38, phố Bắc Cầu, phường N, quận L, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

- Chị **Trịnh Thị Thu T**, sinh năm 1987; Địa chỉ: Tổ dân phố 08, thị trấn V, huyện V, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự đề ngày 21/4/2022 và lời khai bà Nguyễn Thị M trình bày như sau: Bà M có đăng ký kết hôn với ông ông Trịnh Công B, sinh năm 1954, chết năm 2007. Quá trình chung sống Bà M và ông Bình 05 người con chung gồm: Trịnh Văn D, sinh năm 1978; Trịnh Hùng V, sinh năm 1984; Trịnh Thị Hồng P, sinh năm 1980; Trịnh Thị Hồng P, sinh năm 1982 và Trịnh Thị Thu T, sinh năm 1987. Năm 1998 thì chị Trịnh Thị Hồng P đi đâu không ai biết, gia đình đã tìm kiếm nhiều năm nhưng không tìm được chị P, cũng không thấy chị P trở về, không có tin tức gì. Do vậy, bà Nguyễn Thị M có đơn yêu cầu tuyên bố chị Trịnh Thị Hồng P mất tích để thuận lợi cho các giao dịch dân sự trong gia đình.

Quá trình giải quyết đơn yêu cầu của bà Nguyễn Thị M, Toà án nhân dân thành phố T tiến hành thu thập chứng cứ về quan hệ nhân thân và việc cư trú của chị Trịnh Thị Hồng P tại nơi cư trú cuối cùng; Thông báo tìm kiếm chị Trịnh Thị Hồng P bằng việc đăng, phát thông báo trên Cổng thông tin điện tử của hệ thống Tòa án, Đài Tiếng nói Việt Nam và Báo Công lý

Tại phiên họp, người yêu cầu là bà Nguyễn Thị M và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (anh Trịnh Văn D, anh Trịnh Hùng V, chị Trịnh Thị Hồng P và chị Trịnh Thị Thu T) vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, nội dung đơn đều thống nhất yêu cầu Tòa án tuyên bố chị Trịnh Thị Hồng P mất tích.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T phát biểu phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Từ khi thụ lý đơn và trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự, Tòa án đã thực hiện đảm bảo đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự; Trình tự phiên họp được thực hiện đúng quy định tại Điều 369 của Bộ luật tố tụng dân sự; Thư ký phiên họp thực hiện đúng quy định của pháp luật; Việc chấp hành của đương sự: Người yêu cầu và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng của Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; Ý kiến của các đương sự và Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tại phiên họp, Toà án nhân dân thành phố T nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Vụ việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 2 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên họp người yêu cầu bà Nguyễn Thị M và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (anh Trịnh Văn D, anh Trịnh Hùng V, chị Trịnh Thị Hồng P và chị Trịnh Thị Thu T) vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt theo quy

định tại khoản 2 Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu dân sự: Trên cơ sở các tài liệu có trong hồ sơ, đủ căn cứ xác định chị Trịnh Thị Hồng P, sinh năm 1982; Nơi cư trú cuối cùng: Thôn 03 (thôn Hợp Thành cũ), xã L, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; Con ông Trịnh Công B (đã chết) và con bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1960; Đã biệt tích từ năm 1998 nhưng không xác định được ngày, tháng có tin tức cuối cùng nên thời hạn mất tích tính từ ngày đầu tiên của năm 1999; Tòa án đã quyết định áp dụng các biện pháp tìm kiếm: Đăng, phát thông báo tìm kiếm chị Trịnh Thị Hồng P trên Cổng thông tin điện tử của Hệ thống Tòa án, Đài Tiếng nói Việt Nam và Báo Công lý, đã hết thời hạn thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng không có tin tức xác thực về việc chị Trịnh Thị Hồng P còn sống hay đã chết. Do vậy, có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị M về việc tuyên bố chị Trịnh Thị Hồng P mất tích.

[3] Về quản lý tài sản của người bị tuyên bố mất tích: Do chị Trịnh Thị Hồng P mất tích nên tài sản của chị Trịnh Thị Hồng P (nếu có), được giao cho bà Nguyễn Thị M, quản lý theo quy định tại Điều 69 của Bộ luật dân sự.

[4] Về Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà Nguyễn Thị M thuộc trường hợp người cao tuổi. Do vậy, bà Nguyễn Thị M được miễn Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự theo quy định tại Điều 11 và Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Về chi phí đăng, phát thông tin tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú: Bà Nguyễn Thị M phải chịu toàn bộ chi phí đăng, phát thông tin tìm kiếm chị Trịnh Thị Hồng P theo quy định tại khoản 2 Điều 385 của Bộ luật tố tụng dân sự, tổng số tiền là 3.000.000 đồng (*ba triệu đồng*). Bà Nguyễn Thị M đã nộp đủ chi phí tố tụng

[5] Quyền kháng cáo: Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc dân sự có quyền kháng cáo quyết định theo quy định tại Điều 371 Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 64, 66, 67, 68, 69 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Khoản 1 Điều 27, điểm a Khoản 2 Điều 35, các Điều 48, 54, 57, 58 các Điều 370, 371, 372, 389 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 385 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 11 và Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị M:

Tuyên bố: Chị **Trịnh Thị Hồng P**, sinh năm 1982; Nơi cư trú cuối cùng: Thôn 03 (thôn Hợp Thành cũ), xã L, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang “*mất tích*” từ ngày 01/01/1999.

Tài sản của chị Trịnh Thị Hồng P (nếu có), được giao cho bà Nguyễn Thị M quản lý. Bà Nguyễn Thị M có quyền và nghĩa vụ của người quản lý tài sản theo quy định tại Điều 66 và Điều 67 của Bộ luật dân sự.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà Nguyễn Thị M được miễn toàn bộ Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự;

3. Về chi phí tố tụng khác: Bà Nguyễn Thị M đã phải chịu toàn bộ chi phí đăng, phát, thông tin tìm kiếm chị Trịnh Thị Hồng P, số tiền là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), Bà M đã nộp đủ chi phí tố tụng khác.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu bà Nguyễn Thị M và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (anh Trịnh Văn D, anh Trịnh Hùng V, chị Trịnh Thị Hồng P và chị Trịnh Thị Thu T) vắng mặt tại phiên họp giải quyết việc dân sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Toà án ra quyết định (10/10/2022).

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND tp Tuyên Quang;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ, Toà án.

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN HỌP

Vương Thị Lan

